

Phụ lục II:

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA BỔ SUNG NĂM 2020 TỈNH ĐỒNG NAI

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích KH (ha)	Trong đó:				Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ	Diện tích sử dụng đất rừng đặc dụng	Diện tích sử dụng đất rừng sản xuất	
	I. Các dự án có sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng								
1	Xây dựng cầu vòm cái Sút trên hương lộ 2 nối dài	Biên Hòa	Long Hưng, Tam Phước	3,50	0,25				Thông báo số 154/TB-HĐND ngày 13/03/2019 của HĐND tỉnh về việc kết luận phiên họp thường trực HĐND tỉnh khóa IX, trong đó, quyết định chủ trương đầu tư nhóm B, trọng điểm nhóm C
2	Nạo vét bờ trái tuyến rạch cái Cầu (suối Xiệp)	Biên Hòa	Bửu Hòa, Hóa An	2,29	0,13				Quyết định số 3831/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt dự án
3	Hương lộ 2	Biên Hòa	An Hòa	12,00	0,50				Văn bản số 1705 ngày 10/3/2015 của UBND Tỉnh về việc chấp thuận điều chỉnh hướng trục sinh thái của TP. Biên Hòa; Có Thông báo thu hồi đất hộ gia đình cá nhân; VB số 5172/UBND-ĐT ngày 1/6/2017 của UBND tỉnh vv khẩn trương triển khai dự án
4	Hương lộ 21	Biên Hòa	Tam Phước	1,10	0,00				Thông báo thu hồi đất số 2046/TB-UBND ngày 14/3/2014 vv thu hồi đất để thực hiện dự án

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích KH (ha)	Trong đó:				Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ	Diện tích sử dụng đất rừng đặc dụng	Diện tích sử dụng đất rừng sản xuất	
5	Công viên cây xanh và lề dọc sông Đồng Nai	Biên Hòa	Bửu Long	1,78	0,17				VB số 7103/UBND-CNN ngày 21/06/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai các công trình trọng điểm trên địa bàn thành phố Biên Hòa
6	Trung tâm y tế thành phố Biên Hòa	Biên Hòa	Quang Vinh	3,92	0,17				Văn bản số 4207/UBND-CNN ngày 17/4/2019 về việc chấp thuận lập hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư.
7	Khu nhà ở chung cư cao tầng đường QL 1K	Biên Hòa	Hóa An	0,52	0,05				Quyết định số 1173/QĐ-TTg ngày 22/11/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao đất cho công ty phát triển đô thị và KCN thuộc Bộ Xây dựng. Quyết định số 921/QĐ-BXD ngày 7/7/2000 của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt dự án đầu tư Quyết định số 2764/QĐ.CT.UBT ngày 28/7/1999 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc chấp thuận chủ trương và giới thiệu địa điểm để lập thủ tục đầu tư xây dựng
8	Khu dân cư An Hòa 2	Biên Hòa	An Bình	1,37	0,63				Đã có trong kế hoạch sử dụng đất năm 2018, tuy nhiên do rà soát tiến độ có nhầm lẫn, nên nay đưa vào lại kế hoạch 2020 Quyết định số 1084/QĐ-UBND ngày 18/1/2006 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng khu dân cư An Hòa 2
9	Khu dân cư - TMDV số 22 (Công ty Phúc Hiếu)	Biên Hòa	Bửu Hòa, Tân Vạn	19,06	2,12				Quyết định chủ trương đầu tư số 1231/QĐ-UBND ngày 10/4/2018 về việc quyết định chủ trương đầu tư.

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích KH (ha)	Trong đó:				Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ	Diện tích sử dụng đất rừng đặc dụng	Diện tích sử dụng đất rừng sản xuất	
10	Khu thương mại dịch vụ và dân cư số 79 (Công ty CP BĐS Tân Mai)	Biên Hòa	Thống Nhất	20,56	2,40				VB số 9849/UBND-ĐT ngày 20/10/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận địa điểm VB số 291/UBND ngày 8/11/2018 của UBND phường Thống Nhất về việc rà soát diện tích đất lúa và đất công thuộc ranh dự án
11	Khu tái định cư	Biên Hòa	Bửu Long	4,00	3,60				
12	Khu tái định cư phường Thống Nhất và phường Tân Mai	Biên Hòa	Thống Nhất, Tân Mai	8,80	0,17				Quyết định số 5838/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao chỉ tiêu đầu tư công năm 2019
13	Khu tái định cư phường Thống Nhất và phường Tân Mai 2	Biên Hòa	Thống Nhất, Tân Mai	9,50	0,01				Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 27/08/2019 của HĐND thành phố Biên Hòa về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, trọng điểm nhóm C trong kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020, trùng khu đất tạo vốn 13 Nghị quyết số 84/2019/NQ-HĐND ngày 27/08/2019 của HĐND về việc sửa đổi, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 trên địa bàn thành phố.
14	KCN Hồ Nai giai đoạn II	Biên Hòa	Long Bình; Phước Tân	101,53	0,69				QĐ thu hồi đất số 2250/QĐ-UBND ngày 15/7/2016 (0,4 ha) của các hộ gia đình cá nhân tại phường Long Bình; Quyết định thu hồi đất số 3946/QĐ-UBND ngày 12/11/2007 của UBND tỉnh

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích KH (ha)	Trong đó:				Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ	Diện tích sử dụng đất rừng đặc dụng	Diện tích sử dụng đất rừng sản xuất	
15	Khai thác chế biến Đá xây dựng Mỏ đá Tân Cang 9	Biên Hòa	Phước Tân	15,10	1,17				Giấy phép số 1325/GP-UBND ngày 20/4/2017 của UBND tỉnh về Giấy phép khai thác khoáng sản (nhận chuyển nhượng); Giấy đăng ký số 116/2017/AP-Cv ngày 8/12/2017 của HTX An Phát vv đăng ký kế hoạch SDD năm 2018
16	Mỏ đá xây dựng Tân Cang 2 mở rộng - Phước Tân (BH.Đ2-3)	Biên Hòa	Phước Tân	5,65	0,93				Đã có trong kế hoạch sử dụng đất năm 2019, tuy nhiên chưa đăng ký diện tích đất lúa
17	Mỏ đá xây dựng Tân Cang 5 -Phước Tân	Biên Hòa	Phước Tân	13,59	0,90				Thông báo thu hồi đất số 4869/TB-UBND ngày 18/7/2011 của UBND tỉnh
18	Mỏ đá xây dựng Tân Cang 8 -Phước Tân (BH.Đ1-3)	Biên Hòa	Phước Tân - Tam Phước	35,98	7,70				Đã có trong kế hoạch sử dụng đất năm 2019, tuy nhiên chưa đăng ký diện tích đất lúa
19	Cửa hàng xăng dầu Hoàng Bảo Long	Biên Hòa	Hóa An	0,06	0,06				Quyết định chủ trương đầu tư số 806/QĐ-UBND ngày 19/3/2019 của UBND tỉnh
20	Ban Trị sự GHPGVN tỉnh	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,70	0,70				Đã có trong kế hoạch sử dụng đất năm 2019, tuy nhiên chưa đăng ký diện tích đất lúa
21	Cơ sở Hóa An (nay là Giáo xứ Hóa An)	Biên Hòa	Hóa An	0,40	0,40				Đã có trong kế hoạch sử dụng đất năm 2019, tuy nhiên chưa đăng ký diện tích đất lúa
22	Trường Trung cấp Phật học	Biên Hòa	Phước Tân	0,73	0,73				Đã có trong kế hoạch sử dụng đất năm 2019, tuy nhiên chưa đăng ký diện tích đất lúa

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích KH (ha)	Trong đó:				Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ	Diện tích sử dụng đất rừng đặc dụng	Diện tích sử dụng đất rừng sản xuất	
23	Tuyến đường giao thông k	Cẩm Mỹ	Sông Nhạn	14,10	3,50				Thông báo số 10339/TB-UBND ngày 09/09/2019 về Kết luận của Đ/c Nguyễn Quốc Hùng - Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại buổi làm việc nghe báo cáo tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án trên địa bàn huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch.
24	Nâng cấp đường Cọ Dầu 2	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	2,75	0,60				Quyết định số 1124/QĐ-UBND ngày 13/09/2019 của UBND huyện Cẩm Mỹ V/v Điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016 - 2020
25	Đường dọc Sông Ray	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	13,00	0,60				Vốn ngân sách tỉnh, đang chờ HDND tỉnh thông qua
26	Cơ sở giết mổ tập trung	Cẩm Mỹ	Lâm San	0,97	0,34				Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của UBND tỉnh V/v Chấp thuận chủ trương đầu tư Nhà máy giết mổ gia thủy cầm - Công ty TNHH chăn nuôi Lan Chi
27	Công ty TNHH Lê Hòe	Cẩm Mỹ	Xuân Tây	2,69	0,35				Chủ đầu tư đăng ký kế hoạch sử dụng đất từ năm 2018 hiện đang vướng thủ tục chuyển đổi đất trồng lúa, bổ sung danh mục dự án sử dụng đất trồng lúa
28	Đường Hùng Vương	Định Quán	TT.Định Quán	4,16	1,94	-	-	-	Thông báo 10264/TB-UBND ngày 27/9/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc kết luận của đồng chí Đinh Quốc Thái - Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai tại buổi làm việc với lãnh đạo huyện Định Quán về tình hình KT-XH 9 tháng đầu năm 2018 trên địa bàn huyện Định Quán

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích KH (ha)	Trong đó:				Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ	Diện tích sử dụng đất rừng đặc dụng	Diện tích sử dụng đất rừng sản xuất	
29	Đường Nguyễn Trãi	Định Quán	TT.Định Quán	0,64	0,21	-	-	-	Thông báo 10264/TB-UBND ngày 27/9/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc kết luận của đồng chí Đnh Quốc Thái - Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai tại buổi làm việc với lãnh đạo huyện Định Quán về tình hình KT-XH 9 tháng đầu năm 2018 trên địa bàn huyện Định Quán
30	Đập dâng Cần Đu 2	Định Quán	Phú Túc	0,28	0,12				Quyết định số 3000/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện Định Quán về việc thông báo định mức chi ngân sách nhà nước năm 2019
31	Dự án khu nhà ở phường Xuân Hòa (tên dự án trong danh mục quy hoạch: Khu TMDV kết hợp ở (đọc đường CMT8-ND)	Long Khánh	Xuân Hòa, Xuân An, Phú Bình	99,69	0,40				Văn bản số 3207/UBND-CN, ngày 04 tháng 10 năm 2019 của UBND Thành phố Long Khánh V/v góp ý hồ sơ Quyết định chủ trương đầu tư dự án khu nhà ở phường Xuân Hòa.
32	Bến xe Long Thành	Long Thành	Long An	4,85	4,85				Quyết định chủ trương đầu tư số 1627/QĐ-UBND ngày 30/05/2019 của UBND tỉnh ĐN
33	Đường 25C	Long Thành	Long Phước	21,00	8,50				Nghị Quyết số 158/2019/NQHĐND ngày 12/7/2019 HĐND phê duyệt chủ trương đầu tư công trung hạn
34	Cụm CN Long Phước 1	Long Thành	Long Phước	75,00		1,03			Đã có trong kế hoạch nhưng chưa có nghị quyết đất rừng phòng hộ
35	Trạm kinh doanh xăng dầu Ngọc Song Anh	Long Thành	Long An	0,16	0,14				Quyết định chủ trương đầu tư số 2205/QĐ-UBND ngày 16/07/2019 của UBND tỉnh ĐN

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích KH (ha)	Trong đó:				Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ	Diện tích sử dụng đất rừng đặc dụng	Diện tích sử dụng đất rừng sản xuất	
36	Điểm du lịch sinh thái và vui chơi giải trí của công ty TNHH Hoàng Gia Bảo	Long Thành	Long An	14,75	2,42				Quyết định số 2744/UBND-ĐT ngày 27/3/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc chấp thuận chủ trương điều chỉnh GCN đầu tư dự án điểm du lịch sinh thái và vui chơi giải trí của công ty TNHH TMDV Hoàng Gia Bảo.
37	Đường 25C đoạn từ QL 51 đến HL 19	Nhơn Trạch	Long Thọ	10,00	6,16				NQ158/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020 phê duyệt chủ trương đầu tư dự án
38	Bến thủy nội địa Phước Khánh	Nhơn Trạch	Phước Khánh	14,65	5,49				QĐ 1782/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND tỉnh vv chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng bến thủy nội địa của HTX đóng tàu Xà lan
39	Khu dân cư tại xã Phước Thiện	Nhơn Trạch	Phước Thiện	13,00	6,04				QĐ 3136/QĐ-UBND ngày 04/9/2018 vv Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án khu dân cư cho công ty CPĐT Địa ốc Khang An của UBND tỉnh Đồng Nai
40	KDC Phú Đông Riverside	Nhơn Trạch	Phú Đông	2,35	0,77				QĐ 268/QĐ-UBND ngày 22/01/2019 vv chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đối với công ty TNHH BĐS Long Đức
41	KDC theo quy hoạch	Nhơn Trạch	Long Thọ	3,85	0,55				QĐ 3182/QĐ-UBND ngày 09/10/2019 của UBND tỉnh vv chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đối với Cty CP Thiết kế Xây dựng và Đầu tư BĐS Danh Tiếng
42	KDC đô thị TMDV An Hòa	Nhơn Trạch	Phú Hội	34,04	2,30				QĐ số 1499/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 của UBND tỉnh vv chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng dự án, bổ sung để thực hiện thu hồi đất sau khi đã kiểm tra hiện trạng. CT 2017 (NQ57)

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích KH (ha)	Trong đó:				Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ	Diện tích sử dụng đất rừng đặc dụng	Diện tích sử dụng đất rừng sản xuất	
43	Xây dựng và phát triển DLST rừng phòng hộ ngập mặn	Nhơn Trạch	Phước An	16,27		2,22			Số 3925/SNN -TCKH đăng ký nhu cầu ngày 01/10/2019 của Sở Nông nghiệp
44	Đường đê bao Đồng Hiệp	Tân Phú	Phú Điền, Phú Thanh	3,60	0,55				Quyết định số 1888/QĐ-UBND ngày 19/6/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai Duyệt chủ trương đầu tư Dự án Đường đê bao Đồng Hiệp huyện Tân Phú
45	Trạm bơm Đắc Lua	Tân Phú	Đắc Lua	27,50	6,92			3,85	Nghị quyết số 158/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Đồng Nai Sửa đổi Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 83/2017/NQQ-HĐND ngày 08/12/2017 về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020 và chủ trương đầu tư một số dự án
46	Trại nuôi vịt giống quy mô 25.000 con	Tân Phú	Núi Tượng	4,39	4,39				Quyết định chủ trương đầu tư số 2110/QĐ-UBND ngày 05/7/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai
47	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Gia Yên	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,07	0,07				Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 28/6/2019 của HĐND huyện Thống Nhất về việc phê duyệt chủ trương đầu tư
48	Thao trường huấn luyện lực lượng vũ trang huyện (giai đoạn tạo mặt bằng sạch)	Trảng Bom	Cây Gáo	17,33	1,79				Quyết định số 3269/QĐ-UBND ngày 18/7/2019 của UBND huyện Trảng Bom v/v điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công đợt 1 năm 2019 (STT 72, phụ lục 4, danh mục các công trình chuẩn bị đầu tư năm 2019)
49	Trường tiểu học, trung học cơ sở Bắc Sơn	Trảng Bom	Bắc Sơn	1,60	0,16				Đã có trong kế hoạch sử dụng đất 2019, đăng ký để chuyển mục đích từ đất trồng lúa

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích KH (ha)	Trong đó:				Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ	Diện tích sử dụng đất rừng đặc dụng	Diện tích sử dụng đất rừng sản xuất	
50	Trường Nguyễn Thị Minh Khai (cơ sở 2)	Trảng Bom	Giang Điền	2,22	1,59				- Văn bản số 11687/UBND-VP ngày 11/10/2019 của UBND huyện Trảng Bom v/v xử lý tờ trình số 144/TTr-UBND ngày 07/10/2019 của UBND xã Giang Điền v/v xin đầu tư tiêu chí số 2 về Giao Thông, tiêu chí số 5 về Trường học, tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất Văn hóa để đạt chỉ tiêu theo Bộ tiêu chí XD NTM nâng cao. UBND huyện cam kết bố trí vốn, đang bổ sung văn bản
51	Đường trường cấp 2 và 3, đường Nguyễn Thái Bình	Trảng Bom	Bàu Hàm	0,37	0,28				Báo cáo số 189/BC-UBND ngày 9/10/2019 của UBND xã Bàu Hàm v/v đăng ký nhu cầu sử dụng đất năm 2020.
52	Đường và cầu tại ấp Tân Bắc	Trảng Bom	Bình Minh	1,18	0,25				Quyết định chủ trương đầu tư số 1849/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 của UBND huyện về việc chủ trương đầu tư dự án xây dựng đường và cầu tại ấp Tân Bắc, xã Bình Minh, huyện Trảng Bom
53	Điểm giết mổ tập trung	Trảng Bom	Bình Minh	2,48	1,72				Đã có trong kế hoạch sử dụng đất năm 2019, đăng ký để chuyển mục đích từ đất trồng lúa
54	Hương lộ 9 (Thành Đức - Tân Bình)	Vĩnh Cửu	Tân Bình	4,50	0,50				Chấp thuận chủ trương đầu tư tại Mục 2 Điều 2 của nghị quyết số 158/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020 và chủ trương đầu tư một số dự án

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích KH (ha)	Trong đó:				Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ	Diện tích sử dụng đất rừng đặc dụng	Diện tích sử dụng đất rừng sản xuất	
55	Hương lộ 7 (Tân Bình - Bình Lợi)	Vĩnh Cửu	Tân Bình, Bình Lợi	4,20	0,74				Chấp thuận chủ trương đầu tư tại Mục 2 Điều 2 của nghị quyết số 158/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020 và chủ trương đầu tư một số dự án
56	Cải tạo nâng cấp đường ĐT768 đoạn từ cầu Thủ Biên đến giao với ĐT767, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	Vĩnh Cửu	Tân An, Trị An, TT. Vĩnh An	50,00	0,96				Quyết định số 2177/QĐ-UBND ngày 15/7/2019 của UBND tỉnh vv phê duyệt tiểu dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng cầu dự án; Nghị quyết số 158/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Đồng Nai về Sửa đổi khoản 1 điều 1 nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 về kế hoạch đầu tư công trung hạn năm giai đoạn 2016-2020 và chủ trương đầu tư một số dự án
57	Đường ấp 3 xã Tân An	Vĩnh Cửu	Tân An	4,5	1,48				Quyết định 3241/2019/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của UBND huyện về triển khai Nghị quyết số 102/2019/NQ-UBND ngày 8/8/2019 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2016-2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn khác do huyện quản lý (trang 1, phụ lục 6)

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích KH (ha)	Trong đó:				Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ	Diện tích sử dụng đất rừng đặc dụng	Diện tích sử dụng đất rừng sản xuất	
58	Đường nối từ Hương lộ 15 đến KDC Miền Đông (Đường N3 dưới tuyến đường điện cao thế)	Vĩnh Cửu	Thanh Phú	4,3	2,3				Quyết định 3241/2019/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của UBND huyện về triển khai Nghị quyết số 102/2019/NQ-UBND ngày 8/8/2019 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2016-2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn khác do huyện quản lý (trang 3, phụ lục 6)
59	Hạ tầng Khu trung tâm xã Thanh Phú (bao gồm đường N4, D4, D5 và hạ tầng công viên cây xanh, khu văn hóa thể thao)	Vĩnh Cửu	Thanh Phú	9,9	8,9				Quyết định 3241/2019/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của UBND huyện về triển khai Nghị quyết số 102/2019/NQ-UBND ngày 8/8/2019 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2016-2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn khác do huyện quản lý (trang 3, phụ lục 6)
60	Đường Kỳ lân	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	4,00	0,74				Quyết định 3241/2019/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của UBND huyện về triển khai Nghị quyết số 102/2019/NQ-UBND ngày 8/8/2019 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2016-2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn khác do huyện quản lý (trang 1, phụ lục 6)
61	Nạo vét Rạch Đông	Vĩnh Cửu	Tân An	60,5	9,4				Nghị quyết số 158/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Đồng Nai về Sửa đổi khoản 1 điều 1 nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 về kế hoạch đầu tư công trung hạn năm giai đoạn 2016-2020 và chủ trương đầu tư một số dự án

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích KH (ha)	Trong đó:				Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ	Diện tích sử dụng đất rừng đặc dụng	Diện tích sử dụng đất rừng sản xuất	
62	Nâng cấp, mở rộng đường Hùng Vương - Trần Phú	Xuân Lộc	TT. Gia Ray	6,20	0,00				Quyết định số 2351/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của chủ UBND tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020
63	ViNA Gà	Xuân Lộc	Suối Cao	3,70	1,67				Quyết định chủ trương đầu tư số 1985/QĐ-UBND ngày 26/6/2019 của UBND tỉnh
64	Trang trại chăn nuôi chim Trĩ đỏ	Xuân Lộc	Xuân Phú	0,30	0,30				Ngày 08/5/2019, Sở Kế hoạch và đầu tư đã có văn bản số 1677/SKHĐT-QLN về việc lấy ý kiến hồ sơ quyết định chủ trương đầu tư dự án trang trại nuôi chim trĩ đỏ tại xã Xuân Phú của Công ty TNHH chăn nuôi sản xuất thương mại Thanh Mai và được UBND huyện Xuân Lộc góp ý kiến tại văn bản số 4289/UBND-KT ngày 1/7/2019
65	Trang trại chăn nuôi Vịt	Xuân Lộc	Xuân Trường	4,90	3,20				Quyết định chủ trương đầu tư số 19185/QĐ-UBND ngày 14/6/2019 của UBND tỉnh
66	Khu dân cư Chiến Thắng	Xuân Lộc	Xuân Định	7,15	0,16				Quyết định chủ trương đầu tư số 1169/QĐ-UBND ngày 22/4/2019 của UBND tỉnh
	II. Chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân								
1	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Tân Phú	Các xã, thị trấn	1,00	1,00				Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
2	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Tân Phú	Các xã, thị trấn	10,00	10,00				Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
3	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Tân Phú	Các xã, thị trấn	7,00	7,00				Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích KH (ha)	Trong đó:				Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ	Diện tích sử dụng đất rừng đặc dụng	Diện tích sử dụng đất rừng sản xuất	
4	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Tân Phú	Các xã, thị trấn	9,00	9,00				Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
5	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Tân Phú	Các xã, thị trấn	1,00	1,00				Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
6	Chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang đất ở	Long Thành	Các xã, thị trấn		5,00				Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
7	Chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang đất trồng cây hàng năm của hộ gia đình cá nhân	Long Thành	Các xã, thị trấn		5,00				Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
8	Chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm của hộ gia đình cá nhân	Long Thành	Các xã, thị trấn		35,00				Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
9	Chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang đất thương mại dịch vụ	Long Thành	Các xã, thị trấn		1,00				Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
10	Đất trồng lúa (1 và 2 vụ) sang đất trồng cây lâu năm	Nhơn Trạch	Các xã, thị trấn	9,00	9,00				Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
11	Đất trồng lúa chuyển sang đất thương mại dịch vụ	Biên Hòa	Các phường, xã		5,00				

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích KH (ha)	Trong đó:				Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ	Diện tích sử dụng đất rừng đặc dụng	Diện tích sử dụng đất rừng sản xuất	
12	Đất trồng lúa chuyển sang đất thương mại dịch vụ	Nhơn Trạch	Các xã, thị trấn	5,00	5,00				Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
13	Đất lúa chuyển sang đất ở	Biên Hòa	Các phường, xã		8,00				
14	Đất lúa chuyển sang đất ở	Nhơn Trạch	Các xã		13,00				
15	Đất lúa chuyển sang đất ở	Vĩnh Cửu	Các xã, thị trấn		9,00				
16	Đất lúa chuyển sang đất ở	Định Quán	Các xã, thị trấn		3,00				
17	Đất lúa chuyển sang đất ở	Trảng Bom	Các xã, thị trấn	40,00	7,00				Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
18	Đất lúa chuyển sang đất nông nghiệp khác	Trảng Bom	Các xã, thị trấn	60,00	11,00				Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
19	Đất lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	Trảng Bom	Các xã, thị trấn	10,00	5,00				Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
20	Đất lúa chuyển sang đất cây lâu năm	Trảng Bom	Các xã, thị trấn	30,00	10,00				Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
21	Đất lúa chuyển sang đất sản xuất kinh doanh	Trảng Bom	Các xã, thị trấn	7,00	1,00				Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
22	Chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang đất ở nông thôn	Thống Nhất	Các xã, thị trấn		3,00				Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
23	Chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Thống Nhất	Các xã, thị trấn		10,00				Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích KH (ha)	Trong đó:				Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ	Diện tích sử dụng đất rừng đặc dụng	Diện tích sử dụng đất rừng sản xuất	
24	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm các xã	Vĩnh Cửu	Các xã, thị trấn		30,00				
25	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm các xã	Biên Hòa	Các phường, xã	10,00	15,00				
26	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm các xã	Định Quán	Các xã, thị trấn	94,00	15,00				Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
27	Chuyển từ đất trồng lúa sang nuôi trồng thủy sản	Biên Hòa	Các phường, xã	2,00	2,00				
28	Chuyển từ đất trồng lúa sang nuôi trồng thủy sản	Vĩnh Cửu	Các xã, thị trấn	3,00	3,00				
29	Chuyển từ đất trồng lúa sang nuôi trồng thủy sản	Định Quán	Các xã, thị trấn	15,05	15,00				Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
30	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Định Quán	Các xã, thị trấn	8,35	9,00				Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
31	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác (trong vùng khuyến khích chăn nuôi của các xã)	Định Quán	Các xã, thị trấn	5,00	5,00				Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
32	Lúa chuyển sang trồng rừng	Định Quán	Các xã, thị trấn	3,00	3,00				Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích KH (ha)	Trong đó:				Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ	Diện tích sử dụng đất rừng đặc dụng	Diện tích sử dụng đất rừng sản xuất	
33	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở phục vụ nhu cầu về đất ở trong năm	Cẩm Mỹ	Các xã	1,48	2,00				Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
34	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác (trong vùng khuyến khích chăn nuôi của các xã)	Cẩm Mỹ	Các xã	19,50	20,00				Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
35	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Cẩm Mỹ	Các xã	40,84	20,00				Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
36	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng nuôi trồng thủy sản	Cẩm Mỹ	Các xã	2,00	2,00				Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
37	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp không phải là đất ở	Cẩm Mỹ	Các xã	0,65	1,00				Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
38	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Long Khánh	Các xã, phường	5,00	5,00				Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
39	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Long Khánh	Các xã, phường	54,00	20,00				Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
40	Đất trồng lúa sang đất ở tại nông thôn	Xuân Lộc	Xuân Thành, Suối Cát, Bảo Hòa	1,37	2,00				Văn bản số 198/UBND ngày 07/10/2019 của UBND xã Xuân Thành, Danh sách đăng ký nhu cầu của UBND xã Suối Cát và UBND xã Bảo Hòa
41	Đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Xuân Lộc	Các xã, thị trấn	3,96	15,00				Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương